

Xếp hạng và Triển vọng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Xếp hạng tổ chức phát hành dài hạn AA-

Triển vọng Ổn định

Liên hệ

Phan Duy Hưng, CFA, MBA
 Giám đốc – Chuyên gia phân tích cao cấp
Hung.phan@visrating.com

Nguyễn Mạnh Tùng
 Chuyên viên phân tích
Tung.nguyen@visrating.com

Phan Thị Vân Anh, MSC
 Giám đốc – Chuyên gia phân tích cao cấp
Vananh.phan@visrating.com

Simon Chen, CFA
 Giám đốc Bộ phận Xếp hạng và Nghiên cứu
Simon.chen@visrating.com

CHÚ Ý: Báo cáo nghiên cứu này giải thích cơ sở xếp hạng chi tiết và quan điểm tín nhiệm của chúng tôi, đồng thời không công bố bất kỳ hành động xếp hạng nào. Để biết thêm thông tin về hành động xếp hạng, hãy tham khảo công bố kết quả xếp hạng được phát hành trên trang web của chúng tôi.

Tham khảo xếp hạng của chúng tôi

© 2024 Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam. Đã đăng ký bản quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Tóm tắt

Mức xếp hạng tổ chức phát hành dài hạn AA- phản ánh năng lực độc lập của ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (TPBank) ở mức trên trung bình và kỳ vọng của chúng tôi về khả năng hỗ trợ ở mức trung bình của Chính phủ dành cho ngân hàng trong thời điểm cần thiết. Đánh giá năng lực độc lập của ngân hàng TPBank thể hiện khả năng sinh lời và an toàn vốn ở mức mạnh, cũng như rủi ro tài sản, cơ cấu nguồn vốn và nguồn thanh khoản ở mức trung bình so với các ngân hàng cùng nhóm.

TPBank được thành lập vào năm 2008, là một ngân hàng thương mại tư nhân quy mô trung bình tập trung vào tập khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Những nỗ lực chuyển đổi số từ sớm đã hỗ trợ cho chiến lược tăng trưởng mạng lưới giao dịch của ngân hàng trên khắp cả nước. Chúng tôi đánh giá cơ cấu nguồn vốn là một trong những điểm mạnh chính của ngân hàng, phản ánh sự thành công của TPBank trong việc tăng trưởng nguồn tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chi phí thấp nhờ vào nỗ lực chuyển đổi số. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng cho thấy khả năng sinh lời cao so với các ngân hàng cùng nhóm nhờ chiến lược tập trung vào phân khúc khách hàng mang lại lợi suất cao cùng với tăng trưởng tín dụng cao và cơ cấu nguồn vốn mạnh đã giúp duy trì tỷ lệ biên lãi thuần (NIM). Mức an toàn vốn trên trung bình của ngân hàng phản ánh quy mô vốn cao hơn so với trung bình ngành và khả năng sinh lời cao, giúp ngân hàng có nguồn lực để trả cổ tức và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trong vòng 5 năm qua.

Rủi ro tài sản của ngân hàng ở mức trung bình, phản ánh nợ có vấn đề gia tăng từ khách hàng cá nhân và SME trong vòng 12 tháng qua, cũng như quy mô cấp tín dụng lớn đối với các doanh nghiệp lớn. Chúng tôi kỳ vọng rằng rủi ro tài sản của TPBank sẽ giảm dần trong vòng 12-18 tháng tới nhờ vào nỗ lực thắt chặt các điều kiện cho vay và tăng cường thu hồi nợ. Nguồn thanh khoản của ngân hàng ở mức trung bình, thể hiện khả năng duy trì đủ tài sản thanh khoản bao gồm tiền và tương đương tiền, trái phiếu Chính phủ, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác để đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán nguồn vốn thị trường.

Chúng tôi đánh giá mức hỗ trợ của chính phủ đối với TPBank ở mức trung bình bởi thị phần tiền gửi lớn chiếm 1.8% toàn thị trường và độ phủ của mạng lưới kinh doanh. Ngân hàng cũng thuộc danh sách 14 ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống thống theo Quyết định 538/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Triển vọng

» Triển vọng xếp hạng tổ chức phát hành dài hạn của TPBank là ổn định, phản ánh quan điểm của chúng tôi rằng hồ sơ tín nhiệm của TPBank sẽ duy trì ổn định trong 12-18 tháng tới.

Tóm tắt các yếu tố chính

| | EW | VW | W | BA | AV | AA | S | VS |
|-----------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Đánh giá Độc lập | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Rủi ro tài sản | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Vốn | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Khả năng sinh lời | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Cấu trúc Nguồn vốn | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Nguồn thanh khoản | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Hỗ trợ từ Công ty liên kết | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| Hỗ trợ từ Chính phủ | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |

Nguồn: Vietnam Investors Service

Ghi chú: EW- Cực Kỳ Yếu, VW- Rất Yếu, W- Yếu, BA- Dưới Trung Bình, AV- Trung Bình, AA- Trên Trung Bình, S- Mạnh, VS- Rất Mạnh

Các yếu tố có thể dẫn đến việc nâng bậc xếp hạng

» Mức xếp hạng AA- của TPB có thể được nâng lên nếu ngân hàng cho thấy sự cải thiện đáng kể trong chất lượng tài sản và bộ đệm hấp thụ rủi ro, ví dụ ngân hàng có thể duy trì (1) tỷ lệ nợ có vấn đề ở mức dưới 1% một cách bền vững, và (2) tỷ lệ vốn chủ sở hữu chung hữu hình trên tổng tài sản có rủi ro (TCE/RWA) ở mức trên 14.5%.

Các yếu tố có thể dẫn đến việc hạ bậc xếp hạng

» Mức xếp hạng AA- của TPBank có thể bị hạ nếu (1) có sự suy giảm đáng kể chất lượng tài sản của ngân hàng thể hiện thông qua sự gia tăng tỷ lệ hình thành nợ xấu mới hoặc tăng rủi ro tín dụng tập trung vào những ngành có rủi ro cao và/hoặc các khách hàng lớn; hoặc (2) khả năng hấp thụ rủi ro của ngân hàng suy giảm đáng kể, ví dụ tỷ lệ TCE/RWA giảm xuống dưới 10% hoặc tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) của ngân hàng giảm xuống dưới 1%; hoặc (3) khi chúng tôi nhận thấy rủi ro thanh khoản của ngân hàng tăng lên do sự gia tăng nguồn vốn thị trường ngắn hạn và ngân hàng không duy trì đủ bộ đệm tài sản thanh khoản.

Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu

Hình 1

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Báo cáo tài chính hợp nhất)

| (Tỷ VNĐ) | Q1-2024 | 2023 | 2022 | 2021 | Trung bình 3 năm |
|--|---------|---------|---------|---------|------------------|
| Tổng tài sản | 355,870 | 356,634 | 328,634 | 292,827 | 326,032 |
| Tổng vốn chủ sở hữu | 34,190 | 32,743 | 32,239 | 25,988 | 30,323 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1,463 | 4,463 | 6,261 | 4,830 | 5,185 |
| Tỷ lệ nợ có vấn đề ¹ (%) | 2.2% | 2.0% | 0.8% | 0.8% | 1.2% |
| Tỷ lệ vốn chủ sở hữu chung hữu hình ² (%) | n/a | 10.7% | 12.3% | 11.5% | 11.9% |
| Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (%) | 1.6% | 1.3% | 2.0% | 1.9% | 1.8% |
| Tiền gửi CASA / Tổng dư nợ cho vay (%) | 21.8% | 21.7% | 20.5% | 22.0% | 21.4% |

(1) Tỷ lệ nợ có vấn đề được tính bằng cách chia tổng nợ xấu (NPL), trái phiếu VAMC và các tài sản có vấn đề khác cho tổng nợ, trái phiếu VAMC và các tài sản có vấn đề khác

(2) Tỷ lệ vốn chủ sở hữu chung hữu hình được tính bằng tổng vốn chủ sở hữu chung hữu hình trên tài sản có trọng số rủi ro (TCE/RWA)

Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

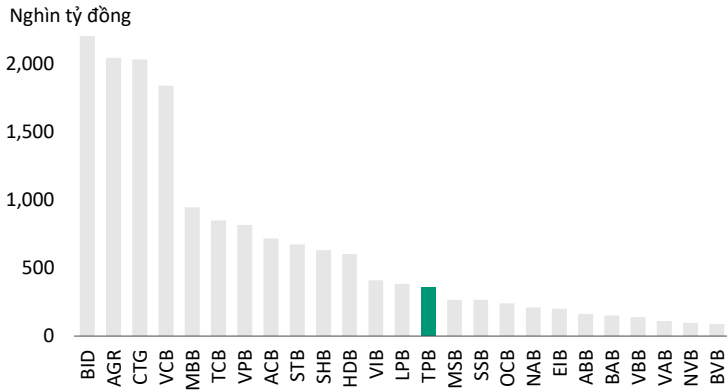
Hồ sơ doanh nghiệp

Lịch sử hình thành: Được thành lập vào năm 2008 với vốn điều lệ 1 nghìn tỷ đồng, TPBank đã trải qua quá trình tái cấu trúc vào năm 2012 với sự tham gia của các tập đoàn lớn như Tập đoàn Doji, Tập đoàn FPT (cổ đông đồng sáng lập) và bắt đầu chuyển dịch chiến lược để trở thành ngân hàng định hướng công nghệ số. Những nỗ lực chuyển đổi số từ sớm đã hỗ trợ chiến lược tăng trưởng của ngân hàng trên khắp cả nước. TPBank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ra mắt phiên bản eBank tích hợp tính năng của Mobile Banking và Internet Banking. Vào năm 2017, TPBank đã đưa vào vận hành hệ thống 'Live Bank 24/7' – ngân hàng tự động đầu tiên tại Việt Nam, và duy trì một mạng lưới các điểm giao dịch lớn để phục vụ các khách hàng hiện tại và góp phần thu hút khách hàng mới. Năm 2018, TPBank đã niêm yết thành công trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và tăng vốn điều lệ lên 8.5 nghìn tỷ đồng. TPBank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tuân thủ hoàn toàn các tiêu chuẩn Basel III và IFRS 9 vào năm 2021. Năm 2023, TPBank tiếp tục củng cố khung quản lý rủi ro của mình bằng cách triển khai Basel III nâng cao, tính toán vốn dựa trên cả phương pháp xếp hạng nội bộ cơ bản (FIRB) và phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao (AIRB).

Cơ cấu sở hữu: Cơ cấu cổ đông của TPBank duy trì tương đối ổn định từ ngày đầu thành lập. Tại cuối năm 2023, TPBank gồm các cổ đông lớn: Công ty Cổ phần FPT (6.7%), CTCP Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji (5.9%), nhóm các công ty liên quan tới SBI Ven Holdings Pte. Ltd (20%).

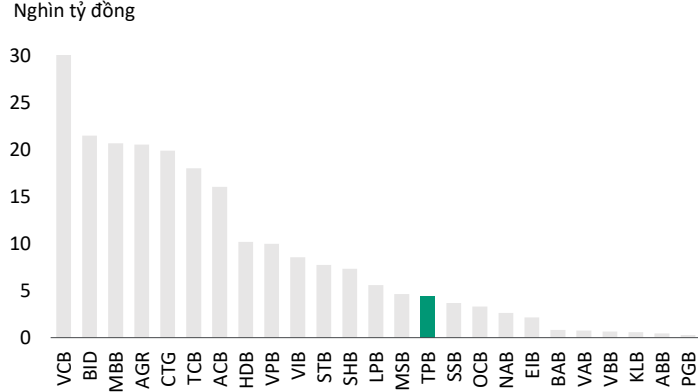
Thị phần và mạng lưới: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, TPBank là ngân hàng lớn thứ 14 về tổng tài sản (Hình 2) và thứ 15 về lợi nhuận sau thuế (Hình 3). TPBank có tổng cộng 132 đơn vị kinh doanh bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch và trụ sở chính. TPBank cũng duy trì khoảng 436 điểm giao dịch 'Live Bank 24/7' chủ yếu đặt tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, TPBank cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên thực hiện thành công kết nối hệ thống dữ liệu dân cư của Bộ Công An và có mạng lưới thanh toán QR Code lớn nhất tại khu vực Đông Nam Á.

Hình 2
TPBank xếp thứ 14 về tổng tài sản tại cuối năm 2023



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Hình 3
TPBank xếp thứ 15 về lợi nhuận sau thuế tại cuối năm 2023



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Chiến lược: Trong giai đoạn 2023-2028, TPBank đặt mục tiêu trở thành một tập đoàn tài chính hàng đầu, cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quản lý tài sản, và hoạt động thanh toán. Là một ngân hàng tập trung vào chiến lược chuyển đổi số hướng đến tập khách hàng cá nhân và SME, TPBank đặt mục tiêu thực hiện chiến lược của mình bằng cách tận dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến, nhờ vào những nỗ lực chuyển đổi số từ sớm của ngân hàng. Trong những năm gần đây, TPBank có kế hoạch hoàn thiện hệ sinh thái của mình thông qua mở rộng sang các lĩnh vực khác như quản lý tài sản và tài chính tiêu dùng. Vào tháng 1 năm 2024, ngân hàng đã mua lại 75% cổ phần của Công ty Quản lý Quỹ Việt Cát. Bên cạnh đó, TPBank cũng tham gia vào quá trình tái cấu trúc Công ty Tài chính Handico (HAFIC) để mở rộng kinh doanh mảng tài chính tiêu dùng. Ngoài ra, nhằm thu hút khách hàng mới và nâng cao lợi thế cạnh tranh, TPBank sẽ tiếp tục nâng cấp và bổ sung các tính năng tiên tiến mới cho nền tảng LiveBank+, e-banking cũng như một loạt sản phẩm đa dạng xoay quanh việc cá nhân hóa trải nghiệm người dùng và thúc đẩy sự tiện lợi cho khách hàng.

Sản phẩm, dịch vụ chính: TPBank cung cấp các dịch vụ đa dạng bao gồm tiền gửi, cho vay, dịch vụ thanh toán, giao dịch ngoại hối (FX), đầu tư trái phiếu, đại lý kinh doanh bảo hiểm. TPBank cũng cung cấp các sản phẩm ngân hàng số như ứng dụng ngân hàng di động, Livebank 24/7, Savy và Quickpay với 436 điểm giao dịch Livebank trên toàn quốc. Bên cạnh đó, TPBank cũng hướng đến mục tiêu thu hút khách hàng trẻ bằng cách ra mắt dòng thẻ 'TPBank Flash 2 trong 1', tập trung vào việc cá nhân hóa trải nghiệm người dùng và thúc đẩy các dịch vụ liên kết thanh toán qua Google Pay, Apple Pay, Zalo Pay và MoMo để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.

Phân khúc khách hàng chính: Doanh nghiệp (21% dư nợ cho vay khách hàng), SME (26% dư nợ cho vay khách hàng) và cá nhân (53% dư nợ cho vay khách hàng). TPBank tập trung vào lĩnh vực có lợi suất cao bao gồm các sản phẩm cho vay cá nhân ví dụ như cho vay mua nhà, cho vay tiêu dùng cũng như cho vay doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản.

Chi tiết Cơ sở Đánh giá

RỦI RO TÀI SẢN

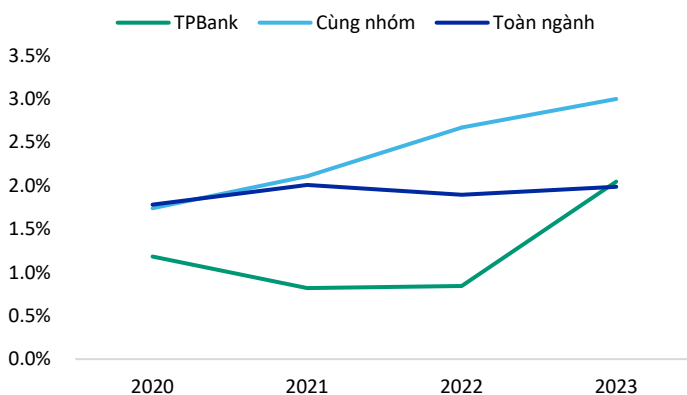
Chúng tôi đánh giá rủi ro tài sản của TPBank ở mức 'Trung Bình', phản ánh nợ có vấn đề gia tăng từ khách hàng cá nhân và SME trong vòng 12 tháng qua, cũng như quy mô cấp tín dụng lớn đối với các doanh nghiệp lớn. Chúng tôi kỳ vọng rủi ro tài sản của ngân hàng sẽ giảm dần trong vòng 12-18 tháng tới nhờ vào nỗ lực của ngân hàng để thắt chặt các điều kiện cho vay đối với khách hàng cá nhân và các khách hàng SME mới, chiến lược giảm thiểu rủi ro đối với lĩnh vực tài chính tiêu dùng và những nỗ lực tăng cường thu hồi nợ, đi kèm với môi trường lãi suất thấp.

Gia tăng nợ xấu từ khách hàng cá nhân và SME trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm lại và lãi suất tăng cao trong năm 2023

Tương tự như các ngân hàng cùng nhóm, tỷ lệ NPL của TPBank đã tăng lên mức 2% tổng dư nợ trong năm 2023, từ mức 0.8% năm trước (Hình 4). Tỷ lệ sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu cũng đã tăng lên mức 1.7% tổng dư nợ từ mức 1.2% cùng kỳ năm trước. Theo Ban lãnh đạo ngân hàng, các vấn đề liên quan đến chất lượng tài sản của ngân hàng chủ yếu đến từ khách hàng cá nhân và SME do bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại trong năm 2023 và lãi suất cho vay ở mức cao. Chúng tôi cũng lưu ý rằng việc sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu chủ yếu đến từ cho vay tiền mặt tín chấp, sản phẩm đã tăng đáng kể về quy mô dư nợ trong những năm gần đây.

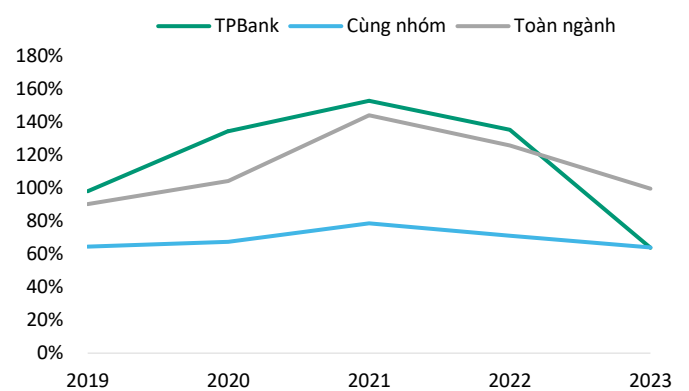
Tỷ lệ NPL của khách hàng cá nhân đã tăng lên mức 2.7% trong năm 2023 từ mức 1% năm ngoái, chủ yếu đến từ các khoản cho vay mua nhà, cho vay mua ô tô, thẻ tín dụng, cho vay tiền mặt tín chấp. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại thời điểm cuối năm 2023 là 64%, tương đương các ngân hàng cùng nhóm (Hình 5).

Hình 4
Tỷ lệ nợ xấu của TPBank so với các ngân hàng cùng nhóm và trung bình ngành



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service
Ghi chú: Các ngân hàng cùng nhóm bao gồm các ngân hàng tập trung vào khách hàng cá nhân, SME và có quy mô dư nợ cho vay lĩnh vực liên quan đến bất động sản lớn

Hình 5
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của TPBank so với ngân hàng cùng nhóm và trung bình ngành



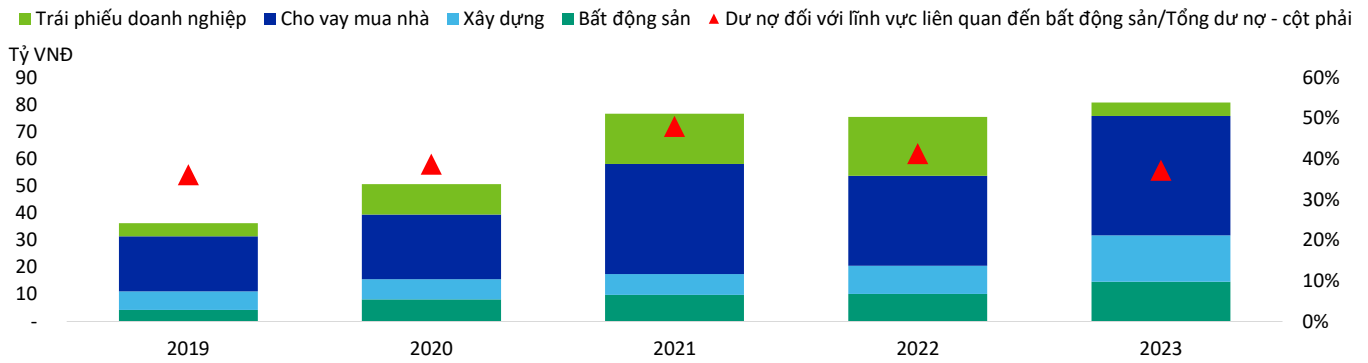
Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Chúng tôi cũng hiểu rằng ngân hàng đã thực hiện các biện pháp để thắt chặt các điều kiện cho vay đối với khách hàng cá nhân và SME mới, giảm rủi ro từ các khoản cho vay tài chính tiêu dùng và tăng cường thu hồi nợ. Những nỗ lực này, đi kèm với môi trường lãi suất thấp, sẽ giúp giảm dần rủi ro tài sản và chi phí dự phòng trong vòng 12-18 tháng tới.

Quy mô cấp tín dụng lớn đối với các doanh nghiệp lớn

Tổng dư nợ cấp tín dụng của ngân hàng đối với các lĩnh vực liên quan đến bất động sản – bao gồm cho vay mua nhà, SME và doanh nghiệp – ở mức 37% tổng dư nợ tín dụng tại thời điểm cuối năm 2023, cao hơn so với mức trung bình ngành là 30% dựa trên số liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và Bộ Xây Dựng. Chúng tôi cho rằng bất kỳ sự gia tăng tín dụng tập trung nào sẽ khiến TPBank dễ bị tổn thương hơn trước các sự kiện tín dụng theo khách hàng lớn và tổn thất tín dụng cao hơn.

Hình 6
Quy mô dư nợ cho vay các lĩnh vực liên quan đến bất động sản của TPBank qua các năm



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chúng tôi định vị khả năng sinh lời của ngân hàng ở mức 'Mạnh', phản ánh tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) cao hơn trung bình ngành trong vòng 5 năm qua. Chiến lược của ngân hàng tập trung vào phân khúc khách hàng mang lại lợi suất cao, cùng với tăng trưởng tín dụng cao và cơ cấu nguồn vốn mạnh đã giúp duy trì tỷ lệ NIM và lợi nhuận sau trích lập dự phòng của ngân hàng ở mức cao hơn trung bình ngành. Trong vòng 12-18 tháng tới, chúng tôi kỳ vọng ROAA của ngân hàng sẽ cải thiện từ mức đáy trong năm 2023 khi chi phí dự phòng sẽ giảm dần, tăng trưởng tín dụng và NIM được duy trì ở mức ổn định.

NIM và lợi nhuận sau trích lập dự phòng ở mức cao hơn so với trung bình ngành nhờ tăng trưởng tín dụng cao và cơ cấu nguồn vốn mạnh

Trong vòng 5 năm qua, TPBank đã duy trì tỷ lệ ROAA trung bình ở mức 1.8%, cao hơn nhiều so với trung bình ngành là 1.3% (Hình 7).

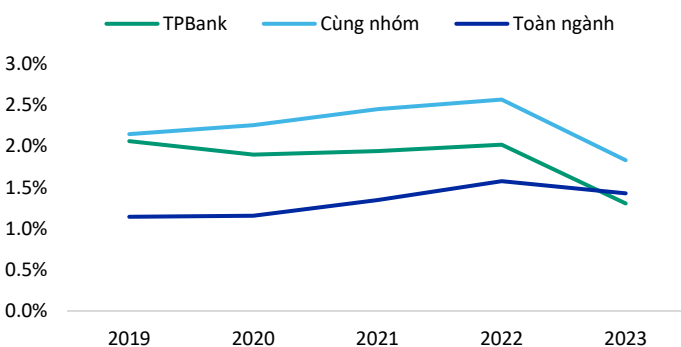
Chiến lược của ngân hàng tập trung vào phân khúc khách hàng mang lại lợi suất cao, cùng với tăng trưởng tín dụng cao và cơ cấu nguồn vốn mạnh đã giúp duy trì NIM và lợi nhuận sau trích lập dự phòng của ngân hàng ở mức cao hơn trung bình ngành.

Trong giai đoạn 2019-2023, tỷ lệ NIM bình quân của ngân hàng là 4.1%, cao hơn so với trung bình ngành là 3.5% (Hình 8). Danh mục cho vay lợi suất cao của ngân hàng bao gồm các sản phẩm bán lẻ như cho vay mua nhà (chiếm 21% tổng dư nợ vào cuối năm 2023), cho vay mua ô tô (8%), cho vay tiền mặt tín chấp (4%), thẻ tín dụng (3%), cũng như các khoản cho vay khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (8%), bất động sản (7%).

Trong năm 2023, tỷ lệ ROAA của ngân hàng đã giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm qua là 1.3% do chi phí dự phòng rủi ro tăng mạnh khi chất lượng tài sản suy giảm. Chúng tôi cũng lưu ý rằng việc tăng chi phí dự phòng lên mức 2.2% dư nợ cho vay năm 2023 từ mức 1.2% cùng kỳ năm trước phản ánh mức độ rủi ro cao trong danh mục cho vay của ngân hàng, nhưng đồng thời cũng được bù đắp bởi mức lãi suất cho vay cao hơn.

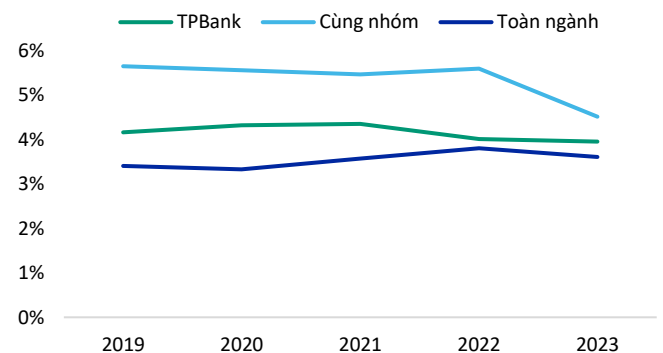
Trong vòng 12-18 tháng tới, chúng tôi kỳ vọng ROAA của ngân hàng sẽ cải thiện từ mức đáy trong năm 2023 khi chi phí dự phòng sẽ giảm dần, tăng trưởng tín dụng và NIM được duy trì ở mức ổn định.

Hình 7
TPBank có khả năng sinh lời cao hơn so với trung bình ngành



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

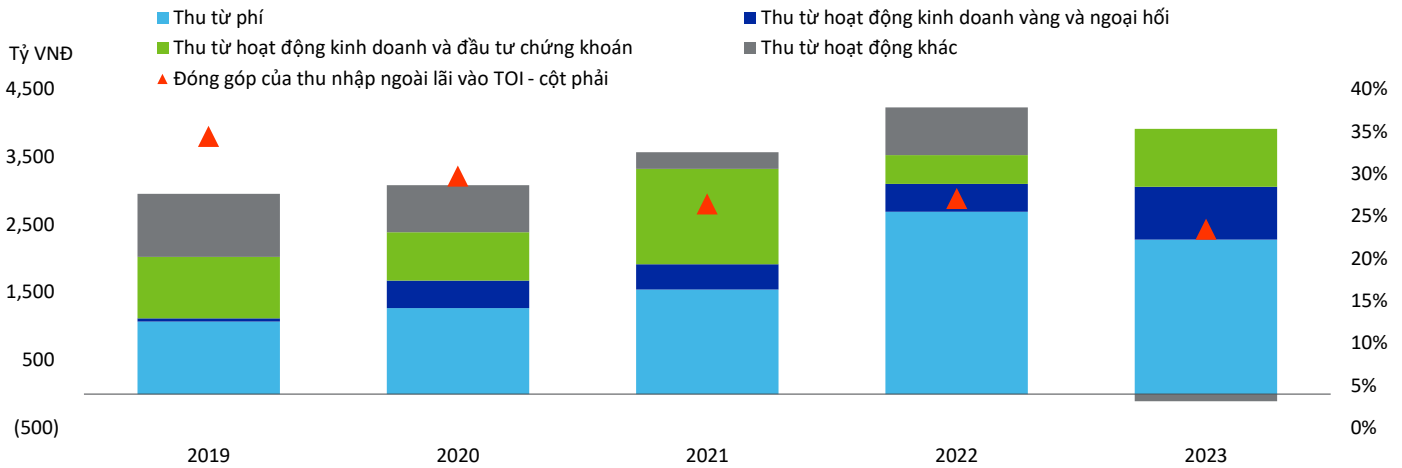
Hình 8
TPBank duy trì NIM cao hơn so với trung bình ngành



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Ngoài ra, thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đóng góp 23.5% tổng thu nhập hoạt động (TOI) trong năm 2023, cao hơn mức trung bình ngành là 22%. Điều này chủ yếu đến từ thu nhập từ bảo hiểm, kinh doanh và đầu tư chứng khoán, phí dịch vụ thư tín dụng (L/C), phí dịch vụ thẻ tín dụng, và cho vay tiêu dùng qua kênh số (Hình 9). Theo Ban lãnh đạo ngân hàng, TPBank sẽ đẩy mạnh thu nhập từ phí thông qua cho vay qua kênh số và thu nhập từ ngoại hối đối với khách hàng xuất nhập khẩu để bù đắp lại việc giảm thu nhập từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm do quy định chặt chẽ hơn. Trong 12-18 tháng tới, chúng tôi kỳ vọng thu nhập ngoài lãi của ngân hàng sẽ tăng nhẹ, được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng của phí dịch vụ thẻ tín dụng và cho vay thông qua các nền tảng thương mại điện tử.

Hình 9
Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng sẽ tăng nhẹ, chủ yếu đến từ thu phí thẻ tín dụng và phí cho vay qua kênh số



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

VỐN

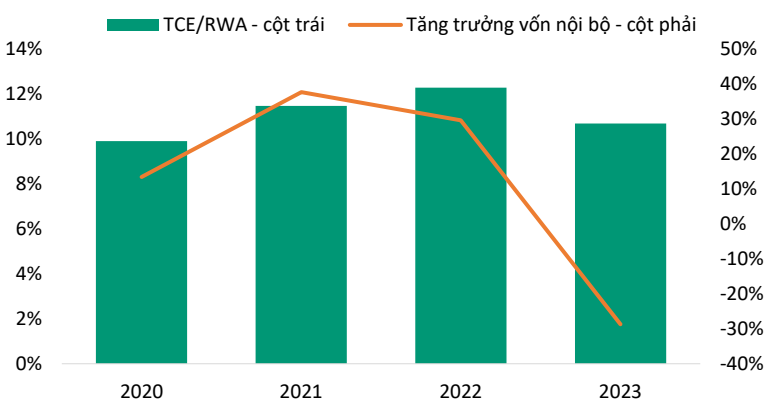
Chúng tôi định vị an toàn vốn của TPBank ở mức 'Trên Trung Bình' để phản ánh quy mô vốn và khả năng tạo vốn nội bộ cao hơn so với trung bình ngành, được hỗ trợ bởi khả năng sinh lời mạnh mẽ trong vòng 5 năm qua. Khi khả năng sinh lời của ngân hàng được cải thiện cùng với sự cải thiện của hoạt động kinh doanh, chúng tôi kỳ vọng mức vốn của ngân hàng sẽ duy trì ổn định trong 12-18 tháng tới.

Khả năng sinh lời cao giúp ngân hàng duy trì quy mô vốn ở mức cao hơn so với trung bình ngành

Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu chung hữu hình/ Tổng tài sản có trọng số rủi ro (TCE/RWA) của ngân hàng đạt 10.7% vào năm 2023, cao hơn so với trung bình ngành ở mức 10.2%. Tương tự, tỷ lệ an toàn vốn CAR của TPBank theo tiêu chuẩn Basel II là 12.4%, cao hơn mức trung bình ngành là 11% (Hình 11 và 12).

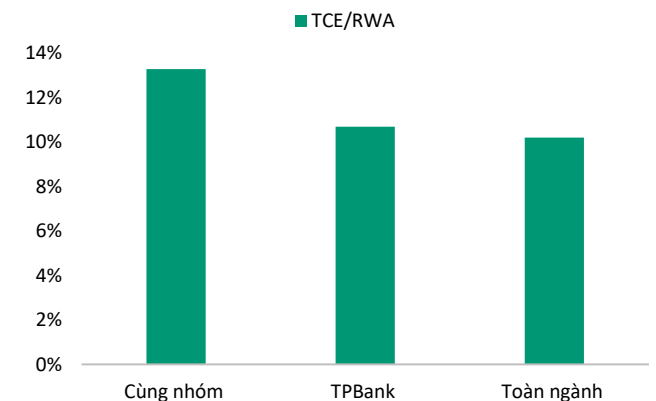
Trong vòng 5 năm qua, khả năng sinh lời cao của TPBank đã giúp ngân hàng có nguồn lực để trả cổ tức, tăng cường quy mô vốn và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng ở mức cao khoảng 20% hàng năm. Chúng tôi kỳ vọng rằng quy mô vốn của ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ổn định trong vòng 12-18 tháng tới.

Hình 10
Nguồn vốn mạnh mẽ được hỗ trợ bởi khả năng tạo vốn nội bộ ở mức cao



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Hình 11
Quy mô vốn cao hơn trung bình ngành



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

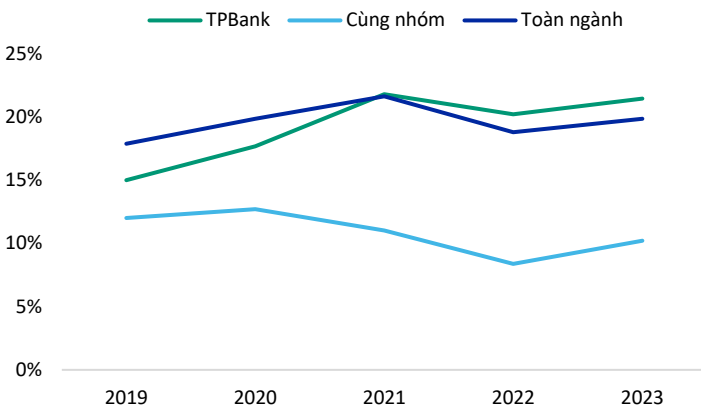
CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Chúng tôi đánh giá cơ cấu nguồn vốn của TPBank ở mức ‘Mạnh’ để phản ánh phần lớn sự thành công của TPBank trong việc củng cố và duy trì nguồn tiền gửi khách hàng cốt lõi, chủ yếu nhờ vào chiến lược chuyển đổi số của ngân hàng. Trong vòng 12-18 tháng tới, chúng tôi kỳ vọng tiền gửi CASA của ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, nhờ vào chiến lược chuyển đổi số để tăng trưởng tiền gửi CASA cá nhân, cũng như từ khách hàng doanh nghiệp lớn và SME thông qua nhiều dịch vụ đa dạng như chi lương, quản lý tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng điện tử qua ‘TPBank Biz’ App.

Tiền gửi CASA chi phí thấp được hỗ trợ bởi chiến lược chuyển đổi số của ngân hàng

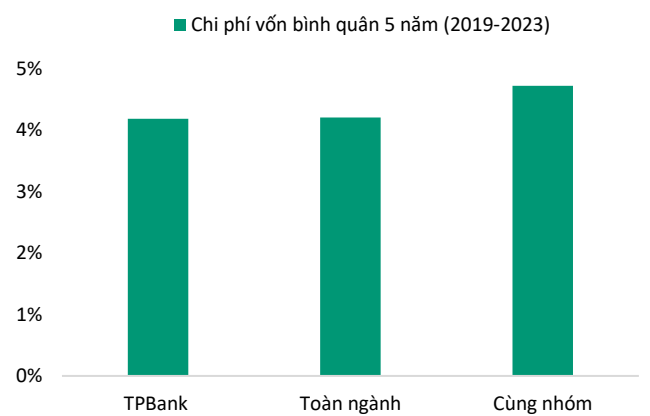
Chúng tôi đánh giá cơ cấu nguồn vốn là một trong những điểm mạnh chính của ngân hàng, Trong vòng 5 năm qua, tiền gửi CASA chi phí thấp của TPBank chiếm trung bình 19% tổng dư nợ cho vay khách hàng, cao hơn mức trung bình của một số ngân hàng cùng nhóm là 11%. Chi phí vốn trung bình trong cùng thời kỳ của ngân hàng ở mức 4.2%, thấp hơn khoảng 50 điểm phần trăm so với các ngân hàng cùng nhóm.

Hình 12
Tiền gửi CASA/ Tổng dư nợ cho vay cao hơn các ngân hàng cùng nhóm và trung bình ngành



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Hình 13
Chi phí vốn thấp hơn các ngân hàng cùng nhóm nhờ duy trì lượng tiền gửi CASA lớn

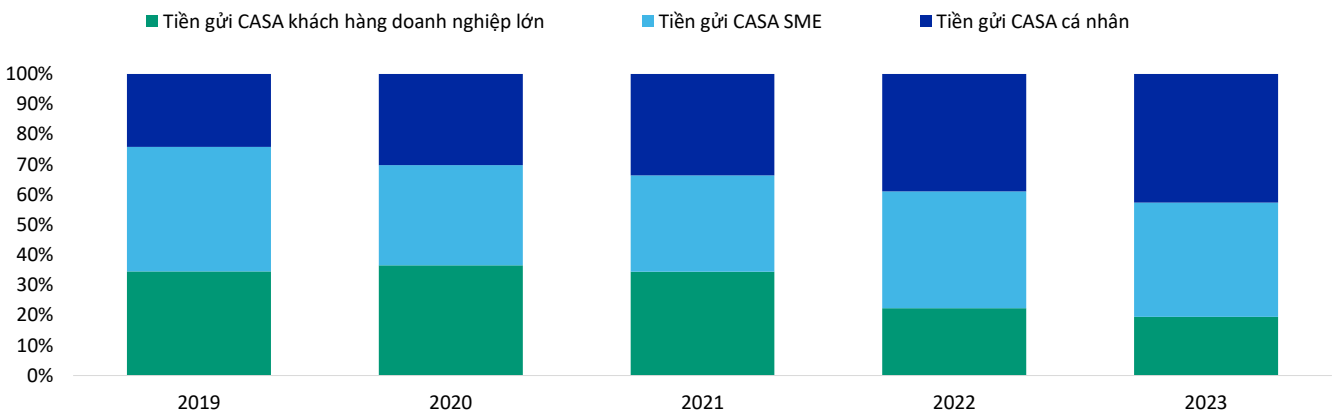


Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Tiền gửi CASA từ khách hàng cá nhân chiếm 43% tổng tiền gửi CASA của ngân hàng, tăng trưởng liên tục qua các năm và tăng từ mức 24% năm 2019. Theo Ban lãnh đạo ngân hàng, 90% tiền gửi CASA của ngân hàng đến từ kênh giao dịch số, ví dụ tăng quy mô giao dịch của khách hàng cá nhân thông qua dịch vụ ngân hàng tự động, kết nối ví điện tử với MoMo và Zalo Pay.

Trong vòng 12-18 tháng tới, chúng tôi kỳ vọng tiền gửi CASA của ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, nhờ vào chiến lược chuyển đổi số để tăng trưởng tiền gửi CASA cá nhân, cũng như từ khách hàng doanh nghiệp lớn và SME thông qua nhiều dịch vụ đa dạng như chi lương, quản lý tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng điện tử qua ‘TPBank Biz’ App.

Hình 14
Khách hàng cá nhân là động lực tăng trưởng cho tiền gửi CASA của ngân hàng



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

NGUỒN THANH KHOẢN

Chúng tôi đánh giá nguồn thanh khoản của ngân hàng ở mức 'Trung Bình', phản ánh khả năng duy trì đủ tài sản thanh khoản bao gồm tiền và tương đương tiền, trái phiếu Chính phủ, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác để đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán nguồn vốn thị trường. Mức điểm xếp hạng này cũng phản ánh lịch sử duy trì tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (SMLR) ở mức thấp hơn so với các ngân hàng cùng nhóm, cũng như khả năng thu hút tiền gửi khách hàng mới trong giai đoạn căng thẳng thanh khoản Q4/2022. Chúng tôi kỳ vọng nguồn thanh khoản của ngân hàng sẽ duy trì ở mức ổn định trong vòng 12-18 tháng tới nhờ vào lịch sử tăng trưởng của nguồn tiền gửi khách hàng cốt lõi để hỗ trợ hoạt động cho vay, cũng như việc duy trì một lượng tài sản thanh khoản lớn.

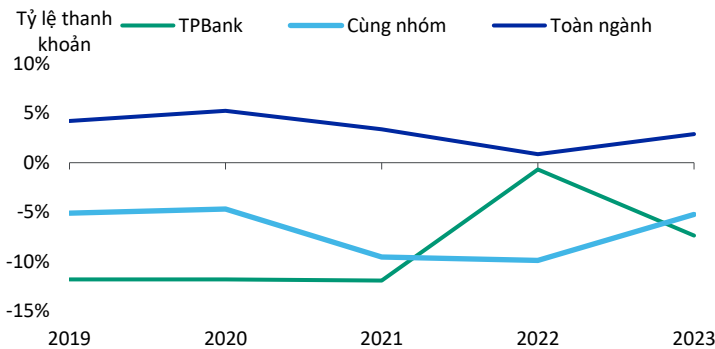
Tài sản thanh khoản đủ để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán nguồn vốn thị trường

Nhìn chung, chúng tôi đánh giá rủi ro thanh khoản phát sinh từ việc sử dụng nguồn vốn thị trường ngắn hạn có thể được kiểm soát (Hình 15). Ngân hàng sử dụng nguồn vốn thị trường ngắn hạn để tài trợ chủ yếu cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn và đầu tư, và không sử dụng để tài trợ cho hoạt động cấp tín dụng. Tài sản thanh khoản của ngân hàng chiếm 26% tổng tài sản, cao hơn mức trung bình ngành là 22%. Nguồn vốn thị trường chiếm khoảng 30% tổng tài sản, chủ yếu từ các khoản vay ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng.

Tỷ lệ LDR của ngân hàng – bình quân đạt 96% trong 5 năm qua - thấp hơn so với các ngân hàng cùng nhóm ở mức 115% (Hình 16). Tỷ lệ SMLR ở mức 23.8% tại thời điểm cuối năm 2023, thấp hơn so với mức tối đa theo quy định là 30%. Chúng tôi cũng lưu ý rằng ngân hàng có khả năng thu hút tiền gửi khách hàng mới trong giai đoạn căng thẳng thanh khoản trên toàn hệ thống ngân hàng trong Q4/2022, khác với một số ngân hàng bị rút mạnh tiền gửi.

Chúng tôi kỳ vọng rằng nguồn thanh khoản của ngân hàng sẽ duy trì ổn định trong vòng 12-18 tháng tới nhờ vào lịch sử tăng trưởng của nguồn tiền gửi khách hàng cốt lõi để hỗ trợ hoạt động cho vay, cũng như việc duy trì một lượng tài sản thanh khoản lớn.

Hình 15
Tỷ lệ thanh khoản của TPBank ở mức tương đương so với các ngân hàng cùng nhóm



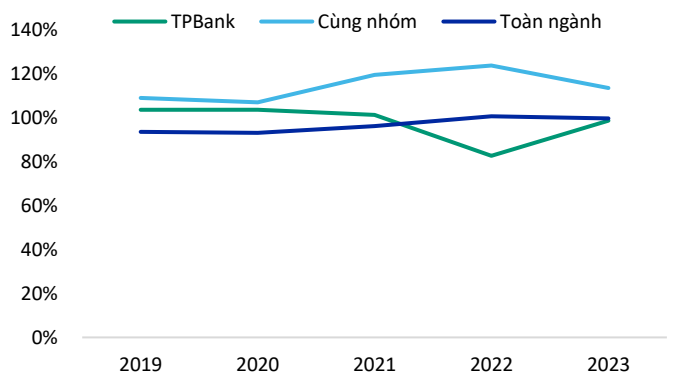
Ghi chú: Tỷ lệ thanh khoản được tính bằng tài sản thanh khoản trừ đi vốn thị trường, chia cho tài sản hữu hình

Tài sản thanh khoản: Tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các tổ chức tín dụng khác, trái phiếu Chính phủ

Nguồn vốn thị trường: Tiền gửi và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá

Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

Hình 16
Tỷ lệ LDR luôn duy trì ở mức thấp hơn các ngân hàng cùng nhóm



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, Vietnam Investors Service

LỊCH SỬ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

| Ngày | Loại xếp hạng | Xếp hạng | Triển vọng | Hành động |
|-------------|---------------------------|-----------------|-------------------|------------------|
| 21/05/2024 | Tổ chức phát hành dài hạn | AA- | Ổn định | Xếp hạng lần đầu |

BẬC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

Bậc Xếp hạng Tín nhiệm Dài hạn

| | |
|------------|---|
| AAA | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện khả năng thanh toán nợ cao nhất so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác. |
| AA | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện khả năng thanh toán nợ rất cao so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác. |
| A | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện khả năng thanh toán nợ trên trung bình so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác. |
| BBB | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện khả năng thanh toán nợ trung bình so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác. |
| BB | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện khả năng thanh toán nợ dưới trung bình so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác. |
| B | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện khả năng thanh toán nợ yếu so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác và có thể tiến tới vỡ nợ, với triển vọng phục hồi mạnh mẽ. |
| CCC | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện mức độ tín nhiệm rất yếu so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác và có khả năng vỡ nợ hoặc sắp vỡ nợ, thường có triển vọng phục hồi trung bình. |
| CC | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện mức độ tín nhiệm cực kỳ yếu so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác và thường rơi vào tình trạng vỡ nợ, thường có triển vọng phục hồi kém. |
| C | Tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ được xếp hạng thể hiện mức độ uy tín tín dụng yếu nhất so với các tổ chức và giao dịch trong nước khác và thường đã vỡ nợ, với triển vọng phục hồi rất kém. |

Ghi chú: VIS Rating thêm các dấu + và – vào mỗi phân loại xếp hạng chung từ AA đến CCC. Dấu + chỉ ra rằng đối tượng được xếp hạng ở mức cao hơn trong danh mục xếp hạng chung; không có dấu hiệu nào áp dụng đối với xếp hạng ở vị trí trung vị; dấu – cho biết xếp hạng ở phần thấp hơn của danh mục xếp hạng chung đó.

PHỤ LỤC

Danh sách các ngân hàng trong báo cáo của chúng tôi:

| STT | Tên viết tắt | Tên đầy đủ | Phân loại |
|------------|---------------------|---|------------------|
| 1 | ABB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình | Nhỏ |
| 2 | ACB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu | Lớn |
| 3 | AGR | Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam | Quốc doanh |
| 4 | BAB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á | Nhỏ |
| 5 | BID | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam | Quốc doanh |
| 6 | BVB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt | Nhỏ |
| 7 | CTG | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam | Quốc doanh |
| 8 | EIB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | Vừa |
| 9 | HDB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh | Vừa |
| 10 | KLB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long | Nhỏ |
| 11 | LPB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt | Vừa |
| 12 | MBB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội | Lớn |
| 13 | MSB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam | Vừa |
| 14 | NAB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á | Vừa |
| 15 | NVB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân | Nhỏ |
| 16 | OCB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông | Vừa |
| 17 | PGB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Thịnh Vượng Và Phát Triển | Nhỏ |
| 18 | SGB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương | Nhỏ |
| 19 | SHB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội | Lớn |
| 20 | SSB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á | Vừa |
| 21 | STB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín | Lớn |
| 22 | TCB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam | Lớn |
| 23 | TPB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong | Vừa |
| 24 | VAB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á | Nhỏ |
| 25 | VBB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín | Nhỏ |
| 26 | VCB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam | Quốc doanh |
| 27 | VIB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam | Vừa |
| 28 | VPB | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng | Lớn |

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM (“VIS RATING”). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ “CÁC ẮN PHẨM”) CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỲ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KÝ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỲ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ờ RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM (“CÁC ĐÁNH GIÁ”), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NÊU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIỆN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYẾN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỲ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỲ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỔ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỐ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (“CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING”)) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỲ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỲ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỲ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIỂU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở “NGUYỄN TRẠNG” mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kể tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỲ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại www.visrating.com dưới tiêu đề “Công Khai Thông Tin Doanh Nghiệp”.

